

TƯ LIỆU

MINH THỰC LỤC, MỘT NGUỒN SỬ LIỆU ĐÔNG NAM Á (Tiếp theo)*

Geoff Wade

Người dịch: Trần Công Khanh

Người hiệu chú: Phạm Hoàng Quân

Lời dẫn: Bài viết dưới đây bằng Anh ngữ của Geoff Wade, Viện Nghiên cứu châu Á, Đại học quốc gia Singapore [SNU] là một nghiên cứu tổng quan về nguồn sử liệu Đông Nam Á [ĐNA] trong *Minh thực lục* [MTL]. Nghiên cứu của G. Wade nằm trong một chương trình chung khá dài hơi của SNU với mục tiêu chuyển dịch sang Anh ngữ toàn bộ các điều mục có liên quan đến ĐNA nằm rải rác trong 40.000 trang của bộ MTL. Gần hai phần ba trong các trích lục về ĐNA có liên quan trực tiếp đến lịch sử Việt Nam là lý do khiến chúng ta không thể không lưu ý hoặc hứng thú đối với công trình này. Trên tinh thần chung hiểu những vấn đề lịch sử khu vực dành cho số đông, chúng tôi mạn phép chuyển dịch bài nghiên cứu này sang Việt ngữ cùng với lòng trân trọng gửi đến tác giả - ông Geoff Wade.

Bản Việt ngữ do ký giả Trần Công Khanh dịch, tôi gia công hiệu đính và cho tên đối chiếu đối với một số danh từ riêng, cùng những chú thích cần thiết (trong ngoặc đơn và đặt ở phần chú thích bổ sung), các mở rộng ngắn gọn đi cùng với chính văn đặt trong ngoặc móc, các chú thích không có dấu ngoặc là của tác giả. Văn bản Anh ngữ nhan đề *The Ming Shi-lu as a source for Southeast Asian History*, từ nguồn: <http://epress.nus.edu.sg/msl>. PHQ

3.2. Vai trò văn minh hóa nền văn hóa Trung Hoa

Sở thích cai trị theo chính sách, bằng việc mở rộng các phương diện văn hóa được xác định là có tính “Trung Hoa”, có thể thấy rõ trong đa số chính sách đeo đuổi, cả ở cấp độ trung ương lẫn địa phương, tại Trung Hoa thời Minh. Các tác nhân của ảnh hưởng văn hóa đó biến động, nhưng hoàng đế/triều đình được giao cho một vai trò quan trọng trong việc đưa ra kiểu mẫu. Do đó, không lâu sau khi lên ngôi, Vĩnh Lạc Hoàng đế đã cho in 10.000 bản “Tiểu sử của những phụ nữ mẫu mực” [烈女傳 - *Liệt nữ truyện*] để phân phát cho các chính thể ngoại bang khác nhau.⁽⁹¹⁾ Khi các bản tâu từ những trường Nho học ở Giao Chỉ đến kinh đô nhà Minh vào năm 1425, cho rằng có ít tiến bộ trong việc giáo dục và gợi ý bổ nhiệm các thầy giáo có năng lực, MTL ghi chép hoàng đế có ý như sau: “Sử dụng đường lối Trung Hoa để thay đổi đường lối của dân di - không có gì quan trọng hơn điều đó.”⁹² Lại nữa, năm 1493, khi một phụ nữ Tai [Thái] từ Mạnh Liên ở Vân Nam được thưởng vì đã giữ tiết hạnh 28 năm sau khi chồng chết, lời của hoàng đế được ghi như sau: “Các hành động chính trực và những tiếng tốt giáo dục dân chúng và thay đổi những tập quán của dân di. Những kẻ hướng đến sự khuôn phép và tính chính trực sao lại không được thưởng và khuyến khích!”⁹³

* Xem từ Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 1(78), số 2(79). 2010.

Năm 1425, vai trò của hoàng đế/triều đình trong việc giáo dục và chăm sóc thái học sinh được gửi đến kinh đô Trung Hoa được nhấn mạnh. Với các du học sinh đến từ tỉnh Giao Chỉ (Đại Việt bị chiếm đóng), hoàng đế ghi nhận: *“Chúng ta phải giáo dục và chăm sóc họ theo cách riêng. Nếu họ học hành tấn tới, chúng ta có thể mong đợi họ trở thành quan lại.”*⁹⁴ Nhiều ghi chép về việc con cháu các vị vua xứ Ryukyu [Lưu Cầu] được học hành ở kinh đô Trung Hoa. Nếu người ta so sánh điều đó với luận điểm của nước Trung Hoa hiện đại, được định ra, chẳng hạn, trong chủ đề về việc chăm sóc các du học sinh xã hội chủ nghĩa để họ có thể phụng sự nhà nước và hiện đại hóa,⁹⁵ người ta bị ấn tượng bởi vai trò của hoàng đế/triều đình đã trực tiếp như thế nào, ngày nay, vai trò được đảm nhiệm bởi Đảng Cộng sản Trung Quốc (CPC). Triều đình đã nhắm đến, và CPC nhắm đến, việc giáo dục người dân theo một giáo lý thống nhất có thể khắc phục được những khác biệt sắc tộc/văn hóa đang hiện hữu và củng cố sự kiểm soát của nhà nước Trung Hoa đối với các vùng chưa thực sự mang tính Trung Hoa.

Sở thích văn minh hóa và sáp nhập các dân tộc Vân Nam vào với chính quyền Trung Hoa cũng là một mối bận tâm thỉnh thoảng được chính quyền nhà Minh lên tiếng. Tiếp theo một đề nghị năm 1481 rằng những người kế vị các quan chức địa phương ở Vân Nam được gửi đến thụ huấn tại các trường Nho giáo để họ có thể học được đạo hiếu, sự khuôn phép và đức chính trực, Thành Hóa Hoàng đế (1465-87) ghi nhận: *“Bằng cách này, tập quán của dân man rợ bị đấu tranh liên tục sẽ chết dần và ảnh hưởng văn minh về tính khuôn phép và đức chính trực Trung Hoa sẽ đi xa hơn. Thật là tuyệt diệu xiết bao!”*⁹⁶ Ở đây chúng ta thấy một điển hình rất hiển nhiên về sự thúc đẩy văn minh hóa như là một phần của một sự thúc đẩy Trung Hoa xa rộng hơn trong việc cai trị.

Các quan lại triều Minh cũng được mô tả, và có thể họ tự thấy, như là những nhân tố trong tiến trình khai hóa này. Trong một bản tường niệm công trạng nộp lên triều đình vào năm 1449 của một viên quan từ Đông Hoãn ở Quảng Đông, viên quan ghi nhận rằng người dân ở Khâm Châu (phía nam Quảng Đông, giáp giới Việt Nam) mặc quần áo và nói tiếng giống như Giao Chỉ (Việt Nam). Ông kiến nghị rằng các quan lại được điều đến đó để khuyến khích người dân thay đổi cách thức ăn mặc *“để họ ăn mặc giống dân bên Trung Hoa”*, và rằng các trường làng được lập nên *“để họ thay đổi tiếng nói và nói tiếng Hoa.”*⁹⁷⁽²⁵⁾ Ở đây chúng ta thấy nhu cầu được lĩnh hội bởi giới tinh hoa Trung Hoa đối với một sự thống nhất trong hành động, rằng điều mà James Watson gọi là *“orthopraxy”* (hành động đúng),⁹⁸ để phân biệt ra Trung Hoa với dân di.⁹⁹ MTL cũng ghi lại việc truyền bá các quy ước *“văn hóa”* với yêu cầu của Xiêm chẳng hạn, về việc chuyển giao tiêu chuẩn Trung Hoa về trọng lượng và số đo vào năm 1404,¹⁰⁰ và sau này với sự bổ nhiệm các quan chức Trung Hoa để tiến hành nhiệm vụ dùng tiếng Hoa trong các văn phòng hành chánh [Tuyên úy ty] ở Vân Nam.¹⁰¹ Tuy nhiên, như đã được gợi ra ở trên, hầu hết các luận điểm trung ương tập quyền về vai trò khai hóa của Trung Hoa và hầu hết các hành động tiến hành dựa

trên nền tảng này, được đưa ra nhằm hợp thức hóa và giúp quảng bá, đồng hóa chính trị Trung Hoa. Một yếu tố quan trọng là cách trong đó các nhân vật và chính thể phi Trung Hoa nhận thức.

3.3. Thái độ chung đối với những con người phi Trung Hoa

Bất chấp những khẳng định về luận điểm thế giới quan ghi nhận ở trên, luận điểm cho rằng hoàng đế/triều đình xem mọi người như nhau và đối xử với mọi người bằng sự độ lượng đồng đều, dường như vẫn có một mức độ khác biệt giữa dân Trung Hoa và phi Trung Hoa, và ngay cả giữa những dân phi Trung Hoa, cả trên cấp độ chính thức lẫn cấp độ đại chúng. Thông thường, những con người phi Trung Hoa, thường được xem là *man*, *di*, *địch*, *mạch* hoặc *phiên* (*fan*), được mô tả có phần nào không phải là người trong MTL. Năm 1442, chúng ta đọc thấy “Man và di chỉ là đám chim muông. Không cần phải phạt chúng nặng nề,”¹⁰² trong khi đó năm 1425, Tuyên Đức Hoàng đế yêu cầu: “Tới mức nào thì mới phạt bọn man?”¹⁰³ Sự phản đối sau cùng bằng các ngôn từ Hán vào năm 1537 như sau: “Bọn di địch cũng giống như chim muông, chúng không có đạo đức con người (無人倫 - vô nhân luân).”¹⁰⁴ Họ còn bị xem là thứ dối trá, không đáng tin, với chi tiết ghi nhận vào năm 1430 rằng “Bọn man di quỷ quyết và xảo trá, không thể dễ dàng tin chúng,”¹⁰⁵ và Mộc Tông, viên quan đứng đầu vùng Vân Nam, được khuyến vào năm 1486 rằng “Các bọn di khác nhau ở Vân Nam đều man rợ, hiếu chiến và ngoan cố.”¹⁰⁶ Luận điểm như thế có một truyền thống lâu đời ở Trung Hoa. Wang Gungwu [Vương Sùng Võ] đã nêu luận điểm của đời Đường về dân Xiong-nu (Hsiung-nu - Hung Nô): Bọn Hung Nô, loại mặt người lòng thú không phải loại chúng ta... bản chất của họ là không biết đến ơn nghĩa.”¹⁰⁷ Tuy nhiên, man di của những vùng ngày nay nằm ở phía nam Trung Hoa và Đông Nam Á được xem không là mối nguy thời Minh, không như người Hồ và Nhung của những vùng phía bắc và tây được coi là mối đe dọa đối với biên giới Trung Hoa.¹⁰⁸

Sự miêu tả những kẻ ngoại bang không bằng con người nhằm hợp thức hóa hành động chống lại họ, hay nói cách khác là không bị xem là vô luân và bất công. Đây là một chiến lược được áp dụng qua nhiều thời bởi nhiều xã hội, thường là trong thời chiến và đôi khi trong thời bình, cho phép đưa ra các chính sách bành trướng, diệt chủng hoặc áp bức. Tầm quan trọng của luận điểm này trong các chính sách mà nhà nước thời Minh đeo đuổi không hề giảm đi. Một hình thức chế giễu tinh tế hơn có thể thấy trong câu chữ sử dụng trong các văn kiện chính thức tiêu biểu cho tên của một số dân phi Trung Hoa. Một ít thí dụ cũng gọi là đủ:

- Nhiều người “Vân Nam” có tên trong đó có âm tiết “pa”. Điều đó thường được ghi bằng chữ “怕” [phạ], có nghĩa là “khiếp đảm”.

- Hai chữ đầu được dùng ghi tên của Die-dao Mang-pa (跌倒莽怕) [Diệt đảo mãng phạ] của Di-wu-la có nghĩa là “trượt hoặc ngã”.¹⁰⁹

- Hai chữ sau trong tên Dao Kong-lue (刀控掠) [Đao khống lược] của Vân Nam có nghĩa là “người quản việc cướp bóc”.¹¹⁰

- Chữ đầu dùng trong tên Chou-le (臭勒) [Xú lật], một người gốc Champa, có nghĩa là “thối tha”.¹¹¹

- Tên của một thành viên trong sứ bộ người Java sang Trung Hoa năm 1429 diễn đạt là “Mo-jia-shi” (墨加虱) [Mặc gia sắt], có nghĩa là “đen và bủn xỉn”.¹¹²

Những thái độ đó chắc chắn là không chỉ giới hạn trong giới tinh hoa. Trong các quy định Bắc Kinh ban hành năm 1500, điều khoản sau đây có nhắc đến việc đối xử với người di: “Trong tương lai, khi người di sang triều cống đến kinh đô, quân hoặc dân dám tụ tập trên đường phố để chỉ chỗ bốn cột, ném sành ngói vào chúng, hoặc đánh và gây thương tích cho người di, sẽ bị gông lại và bêu ở chốn đông người.”¹¹³

3.4. Vị trí của các chính thể và dân tộc khác

*“Ta là hoàng đế, và được ủy nhiệm bởi trời, ta cai trị người Trung Hoa và người di. Một ngôn ngữ/văn hóa (文) là tiêu chuẩn cho vạn xứ, đem cái tốt đẹp phổ biến và giáo huấn cho khắp bốn phương. Những ai trong thiên hạ, trên mặt đất này, không thể không nhập tâm điều ấy.”*¹¹⁴ Cũng bởi đó mà Thiên Thuận Hoàng đế (trị vì từ 1457-1464) của triều Minh trong một bức thư gửi Lê Hào [Lê Thánh Tông], vua xứ An Nam năm 1462, đã giải thích về mối quan hệ kiểu mẫu giữa Trung Hoa và các nước chư hầu. Hoàng đế, bằng cái đức thực chất, được mô tả như là người lôi kéo con dân bốn phương về với trung tâm của văn hóa do triều đình Trung Hoa tạo lập nên, cũng như truyền bá ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa để thay đổi/khai hóa những dân tộc ấy. Khi những chiến thuyền của Trịnh Hòa đem các sứ bộ quay về Trung Hoa vào những thập niên đầu của thế kỷ 15, Thượng thư Bộ Lại Kiển Nghĩa giải thích việc này với Vĩnh Lạc Hoàng đế như sau: “Bọn di khắp bốn phương khao khát ngưỡng mộ cái đức (德) của sự minh triết và đó là lý do bọn họ đến triều kiến. Niềm tôn kính của họ đối với bệ hạ là vô biên.”¹¹⁵

Một khái niệm rất khát khe về trật tự và ưu quyền (xây dựng chủ yếu trên mức độ “Trung Hoa tính” của các nước ngoại bang) phân biệt các chính thể ngoại bang khác nhau dường như xuyên suốt các văn bản MTL. Chúng ta thấy rằng, mặc dầu văn bản MTL ghi chép chi tiết Champa là nước đầu tiên xin được làm chư hầu triều Minh, điều đó không ngang bằng nhau dưới thế giới quan Trung Hoa và vì vậy mà vua An Nam Chen Ri-kui (Trần Dụ Tông) và An Nam luôn luôn được khen ngợi ngay từ những tập biên niên sớm nhất như là nước đầu tiên xin phong hầu.

Tiếp theo đó, sự nổi trội của An Nam như là một kiểu mẫu văn hóa bị thay thế bởi Triều Tiên vốn là nước biểu lộ những kiểu thức thái độ được giới tinh hoa Trung Hoa ưu ái nhiều hơn. Năm 1457, khi vua An Nam yêu cầu áo mào giống như áo mào đã ban cho vua Triều Tiên, yêu cầu ấy bị bác, vì nó hàm ý tình trạng ngang bằng giữa An Nam và Triều Tiên và phủ định tầm quan trọng của văn hóa Trung Hoa mà giới tinh hoa Trung Hoa xem như là yếu tố khu biệt Triều Tiên với An Nam. Cũng yêu cầu ấy bị bác vào

năm 1464.¹¹⁶ Căn nguyên đằng sau sự phân biệt đó có thể giải thích cô đọng rằng vào năm 1495, khi sử chép rằng, “Mặc dầu An Nam áp dụng lịch của triều đình và thần phục triều đình, dân ở đó rốt cùng vẫn là di.”¹¹⁷ Nhưng dân di ấy còn có những đặc trưng hơn hẳn dân Nhật và Mông Cổ. Sử chép, vào cuối thế kỷ 16 mặc dầu An Nam hiếu chiến, các vua xứ ấy còn biết kềm chế, “không giống như bọn Nhật và Lỗ (Mông Cổ).”¹¹⁸

Cũng có những phân biệt giữa An Nam/Việt Nam và các chính thể khác ở Đông Nam Á. Dưới triều Cảnh Thái (1450-1456), trong số các nước Đông Nam Á, chỉ có An Nam được xem đủ quan trọng để được hội ý về việc người Mông Cổ bắt giữ Chính Thống Hoàng đế.¹¹⁹ Với việc lên ngôi của Chính Đức Hoàng đế năm 1505, An Nam là nước duy nhất mà triều đình gửi một sứ bộ sang ban chiếu thông báo.¹²⁰ Các chính thể khác được gửi cáo tri thông qua những sứ bộ của chính họ. Lại nữa, năm 1521, chỉ có chính thể An Nam trong số tất cả chính thể Đông Nam Á được gửi một sứ bộ đến để thông tri việc lên ngôi của Gia Tĩnh Hoàng đế.¹²¹ An Nam cũng giữ một vị trí đặc biệt, trong tôn ti lễ nghi theo cách này hoặc cách khác. Trong khi đó, trong những năm đầu triều Minh, các quan Trung Hoa được cử đến để cử hành việc tế lễ nhân cái chết của các vua trong hầu hết các chính thể, An Nam là chính thể duy nhất ở Đông Nam Á vẫn tồn tại thực hành này trong suốt triều Minh.

Dân Nhật và những dân khác ở phương bắc Trung Hoa luôn luôn được coi là, xuyên suốt MTL, nguy hiểm. Vì dân Nhật chiếm cứ một phần vùng biển, do đó có những nỗ lực của các quan phân biệt dân Nhật với những dân vùng biển khác (những dân vùng biển Đông Nam Á). Năm 1612, Thượng thư Bộ Binh cho rằng “dân Luzon (giờ đây đối chiếu với người Tây Ban Nha và dân của họ ở Luzon) không xảo quyệt bằng dân Nhật... Luzon [Lữ Tống] và các nước có dân đó là những xứ mà Tam Bảo [Trịnh Hòa] ghé lại khi ông chu du biển tây... Tuy nhiên, dân Nhật ở phía biển đông. Không được lầm lẫn giữa các bọn chúng.”¹²² Dầu vậy, cùng năm đó, quan lại Quảng Đông - được sử chép rằng - đã xem bọn “bay yi” (Bồ Đào Nha) là mưu mẹo, xảo trá và khó lường.”¹²³

Tuy nhiên, khi các mục tiêu bành trướng đòi hỏi, không chỉ tình trạng tương đối của các chính thể được dàn xếp, mà ngay cả tình trạng tuyệt đối của một chính thể cũng có thể nhanh chóng được minh định lại. Do đó, ban đầu chúng ta nghe thấy “xứ Vân Nam” ở thời gian đầu của triều Minh,¹²⁴ nhưng rồi, khi một đạo quân được cử đi chinh phạt xứ ấy vào những năm 1370, xứ ấy được tuyên bố là bộ phận của Trung Hoa từ lâu. Mặc dầu An Nam (Đại Việt) được xem như là một “quốc” (*guo* - 國) suốt 30 năm đầu của triều này, vào năm 1406 những nhu cầu của bành trướng Trung Hoa xuất phát từ hậu quả Vĩnh Lạc Hoàng đế tấn công chống lại chính thể này và tuyên bố: “An Nam bị tách ra ở một xó xỉnh trên biển. Từ xa xưa, nó từng là một quận hành chính (郡縣 - quận huyện) của Trung Hoa.”¹²⁵ Quan điểm này còn được nhấn mạnh sau này vào năm 1416 khi “Giao Chỉ (Đại Việt) được coi là luôn luôn thuộc lãnh thổ Trung Hoa và dân nó là con dân (赤子 - xích

tử) của triều đình.”¹²⁶ Sự phục hồi tình trạng “quốc” không xảy ra cho đến sau khi Vĩnh Lạc Hoàng đế qua đời, và vào năm 1481, Thành Hóa Hoàng đế vẫn lại khẳng định rằng: “Hai nước An Nam và Champa là những quận hành chính của Trung Hoa từ các triều Tần và Hán.”¹²⁷ Lại nữa, năm 1541, sau khi Mo Deng-yong (Mạc Đăng Dung) dâng lên một tờ biểu tự nguyện đầu hàng quân Trung Hoa, Gia Tĩnh Hoàng đế tuyên bố: “An Nam từ xưa đã thuộc về Trung Hoa.”¹²⁸ Các tuyên bố cho rằng chính thể Việt là một phần toàn vẹn và lịch sử của nước Trung Hoa không ngừng nổi lên vì và khi nước Trung Hoa muốn hợp thức hóa một cuộc tấn công cần thiết hoặc khi các vua Việt Nam hoặc kẻ tiếm quyền lâm vào tình huống hiểm nghèo và muốn được Trung Hoa thừa nhận.

Sự hiện diện của một số lượng lớn người dân Trung Hoa tại một chính thể đặc biệt ở hải ngoại cản trở khả năng chính thể ấy được coi như là một “quốc” (國). Do đó, vào đầu thế kỷ 15, chúng ta thấy Cựu Cảng (舊港) - căn cứ của nhiều ngàn dân Trung Hoa gốc Quảng Đông và Phúc Kiến - ở Palembang, Sumatra, được coi như là Tuyên úy sử ty (宣慰使司) và các đầu mục (頭目) được cử đến, chứ không phải là những “sứ thần” (使臣), đối với Minh triều. Bất chấp sự cách trở trên biển của Cựu Cảng với Trung Hoa, nhờ có số dân Hoa chiếm đa số ở chính thể này, mối quan hệ giữa nó và triều đình Trung Hoa, như được xác định bởi luận điểm của triều đại này, nhân đôi mối quan hệ giữa triều đình và các chính thể so với các chính thể rất gần với biên giới chính thức của nhà nước Trung Hoa.

Tầm quan trọng dành cho các chính thể khác nhau trong các văn bản MTL cũng thay đổi theo từng triều hoàng đế. Trong khi Vĩnh Lạc Hoàng đế tìm cách thống trị phần đầu của thế kỷ 15 qua việc gửi các đội chiến thuyền hỏa lực mạnh để áp chế các chính thể ngoại bang thần phục triều Minh, tình huống đã thay đổi mạnh mẽ vào những năm 1440. Ngay cả vua xứ Hormuz gửi một yêu cầu chính thức kiến nghị Trung Hoa gửi một sứ bộ sang cũng không nhận được trả lời từ triều Minh. Vào cuối thế kỷ 15, tầm quan trọng của các mối quan hệ với lân bang đã suy thoái đến mức mà các chính quyền tỉnh phải thương lượng trực tiếp với thủ lĩnh các ngoại bang. Năm 1480, Quảng Tây gửi các mệnh lệnh cho An Nam,¹²⁹ trong khi, năm 1501, chúng ta thấy Quảng Đông liên lạc trực tiếp với Java.¹³⁰

Xét đến những thứ hạng mà nhà nước Trung Hoa và các quan lại của nó phân chia dân chúng và các chính thể khác, cần phải thấy những phân biệt như thế không phải là những thứ hạng riêng lẻ, nhưng là những phân chia có thể biến động tùy theo những giới hạn, tùy thuộc vào các tình huống và những con người đưa ra đánh giá. Các bó buộc đối với các chính thể mà Trung Hoa xét theo từng chính thể một thật đa dạng. Sự thần phục tượng trưng hay thực sự là phương diện quan trọng đối với điều đó. Chính vì thế, sự ghi nhận về việc các chính thể ban đầu chần chừ rồi sau đó công nhận quyền lực và sự ưu việt của triều Minh là bản chất trong ghi chép của MTL. Năm 1441, chúng ta đọc thấy Tư Nhậm Phát, vua xứ Lộc Xuyên - Bình Miến vốn bị khiển trách vì không tuân thủ theo các nghi biểu phù hợp với

sứ bộ nhà Minh được cử đến xứ này, “vì hãi sợ và đã cử một sứ bộ đến triều đình.”¹³¹ Để bảo đảm một vị vương xứ chư hầu hoàn toàn ý thức về vị thế thần phục của ông ta, triều đình ban cho ông ta, kèm theo một bộ áo nghi lễ, một bộ các thức trang phục sa lượt bình thường, để ông ta thừa nhận rằng mình là một cận thần của triều đình, và phải phục vụ triều đình.¹³² Năm 1444 Ava-Burma được khuyên răn rằng “những ai tôn kính trời, phục vụ cho bề trên và bảo vệ mọi sinh linh chắc chắn sẽ nhận được sự nâng đỡ của trời.”¹³³ Những yêu cầu đặt ra với các văn phòng bản địa [Tuyên úy ty/ Thổ ty] - những văn phòng của các chính thể Vân Nam và Quảng Tây mà nhà nước Trung Hoa xem như là bán chính thức thuộc về chính quyền Trung Hoa - xem ra ít nghiêm khắc hơn như trong một trích dẫn từ năm 1478: “Các quan bản xứ là những người ngoài nền văn hóa. Từ thời các tổ tiên, họ chỉ phải triều cống theo từng thời kỳ như là một cách ước thúc họ.”¹³⁴ Một yêu cầu về sau này đặt ra với các xứ Đông Nam Á là họ trung thành với những quy chế do người Trung Hoa lập ra. Năm 1503 khi một sứ bộ từ bên Xiêm do Pu-ba-la-zhi-cha, một viên quan thuộc Bộ Phục vụ hoàng cung ở Ayudhya cử đi, vị Thượng thư Bộ Lễ than phiền về sự vi phạm thô thiển nghi lễ, được sử ghi nhận: “Sự trao đổi thư từ giữa bộ này và vua xứ Xiêm luôn luôn được tiến hành giữa chúng ta thông qua các sứ bộ. Chưa bao giờ có một trường hợp một viên quan hầu cận dám cho mình cái quyền gửi các sứ bộ đến bộ đó.”¹³⁵

Những chỉ dụ của hoàng đế gửi cho Ma Ha Bí Cai (Maha Vijaya), vua Champa, vào năm 1441 về việc phong hầu cho ông ta¹³⁶ và những chỉ dụ được gửi vào năm 1443¹³⁷ phản ánh, bằng một cung cách cô đọng những yêu cầu mà các chư hầu phải tuân thủ theo kiểu mẫu Trung Hoa. Những vị vua ấy buộc phải:

- Kính trời và phụng sự đáng bề trên (敬天事大 - Kính thiên sự đại).
- Kính cẩn hoàn thành các nhiệm vụ như là các công chức (敬效臣職 - Kính hiệu thần chức).
- Kính cẩn làm tròn các bốn phận chư hầu (恭修朝貢 - Cung tu triều cống).
- Giỏi hơn trong việc yên dân xứ mình (善撫國人 - Thiện phủ quốc nhân).
- Giữ quan hệ tốt với lân bang (和睦鄰境 - Hòa mục lân cảnh).
- Bảo vệ lãnh thổ (保境 - Bảo cảnh).

Khi một nước chư hầu không làm tròn bốn phận của mình, chuẩn mực là phải có hành động trừng phạt và hạ phẩm giá xứ đó. Do đó, vào những lúc An Nam không thuận theo những kỳ vọng của triều đình, các mệnh lệnh được gửi cho An Nam thông qua Champa, coi như là một cách làm hạ giá trị của An Nam. Vào những lần khác, sự ngoan cố công khai của chính thể Việt về những vấn đề khác nhau dẫn đến hậu quả phục hồi lại trong những tài liệu chính thức từ “Giao Chỉ”. Đó là tên gọi đặt cho tỉnh mới khi Việt Nam bị người Trung Hoa chiếm đóng trong giai đoạn từ năm 1407-1427, và sự phục hồi tên gọi này là một cách phản ánh tình trạng nô thuộc của chính

thể này.¹³⁸⁽²⁶⁾ Năm 1487, các sứ bộ Việt Nam được phép trao tặng vật nhưng không được phép mở nhạc trong tiệc như là một cách để duy trì sự trao đổi ngoại giao, bày tỏ sự bất bình đối với các hành động của Việt Nam.¹³⁹⁽²⁷⁾ Khi các vua hành động theo khuôn mẫu như thế, kiểu như giữa thế kỷ 16 Mạc Đăng Dung xứ An Nam “tự nguyện dâng người và đất [An Nam] và vâng phục mọi sắp xếp của triều đình,”¹⁴⁰ MTL bèn viết những lời ca ngợi.

Tuy nhiên, sự khẩn cấp trong các yêu cầu về chính trị và an ninh đôi khi được phản ánh trong MTL qua các tuyên bố hoặc hành động có vẻ như ý thức của một hoàng đế hoàn thiện mọi thứ và chăm nom mọi thứ. Đáp ứng đề xuất triều đình đứng ra làm trung gian hòa giải tranh chấp giữa Champa và An Nam, Đại học sĩ Từ Phổ, trích dẫn sách Xuân Thu, lưu ý rằng “một vị vua không cai trị trực tiếp người di và người địch” và “cách cai trị người di khác với cách cai trị nội địa.”¹⁴¹ Lại là sự thực dụng lấy từ quá khứ.

Lấy một ví dụ về toàn bộ việc nêu ra các luận điểm ở trên, chúng ta có thể nhìn vào các lệnh dụ của hoàng đế do Vĩnh Lạc Hoàng đế gởi cho vua Xiêm vào năm 1419.¹⁴² Những mệnh lệnh đó gồm các điểm sau:

- Hoàng đế được trời ủy quyền (天命 - Thiên mệnh), do đó có thần quyền để cai trị người Hoa và người di (君主華夷 - Quân chủ Hoa di).

- Hoàng đế là hiện thân của tình yêu của trời và đất đối với vạn vật (體天地好生之心 - Thể thiên địa hiếu sinh chi tâm).

- Hoàng đế tỏ lòng độ lượng như nhau đối với mọi người và không phân biệt kẻ ở gần cũng như kẻ ở xa (一視同仁, 無間彼此 - Nhất thị đồng nhân, vô gian bỉ thử).

- Các chư hầu phải:

- + Kính trời (敬天 - Kính thiên).

- + Phục vụ bề trên (事大 - Sự đại).

- + Làm tròn bốn phận và cống nạp (修職奉貢 - Tu chức phụng cống).

- Hoàng đế đã nghe vua Xiêm muốn sai quân đánh Melaka, và vì hoàng đế yêu hết thảy mọi vật, nên ngài yêu cầu trừng phạt vị vua muốn động binh, động đao với người dân.

- Phải nhớ rằng Melaka cũng là một thần dân của triều đình (朝廷之臣 - Triều đình chi thần).

- Vua Xiêm phải nhanh chóng gây dựng mối quan hệ tốt với các nước láng giềng (輯睦鄰國 - Tập mục lân quốc).

Ẩn tàng đằng sau bài thông điệp này, nhiều điểm có thể tìm thấy trong các văn bản cổ, là một thực tế cho thấy nhà nước Trung Hoa đang dùng Melaka như một bàn đạp để đột nhập vào Ấn Độ Dương và cũng cho thấy bất kỳ ý đồ nào của Xiêm nhằm chiếm cứ cảng cũng có thể chấm dứt bằng sự thù địch giữa Trung Hoa và Xiêm. Trong khi ở đây sự đe dọa ẩn tàng được che đậy bằng luận điểm nghi thức, trong những trường hợp khác triều

Minh đã không có ân hận về những vụ dọa tấn công hoặc tấn công thực sự đối với các chính thể khác.

Cũng cần phải nhận thức rằng một số quan lại của nhà nước triều Minh so với những quan chức thời khác có xu hướng tìm kiếm các giải pháp thực dụng hơn là chỉ thỏa mãn luận điểm đối với các vấn đề. Năm 1537, trong một cuộc tranh luận về thái độ nào cần có đối với các đối thủ tranh quyền bên An Nam, quan chức nhà Minh Dư Quang gợi ý rằng vấn đề không phải là ai nắm quyền trong các chính thể ngoại bang mà là họ nắm quyền như thế nào. Ông đề xuất rằng bao lâu mà họ thừa nhận tình trạng lệ thuộc và kiến nghị cống nạp, họ nên được công nhận.¹⁴³⁽²⁸⁾

Phải đi đến kết luận rằng kiểu mẫu ở trên trong rất nhiều phương cách chỉ là một tiêu biểu tượng trưng về sự nhận thức của nhà nước Trung Hoa về địa vị của chính nó và địa vị của các chính thể ở vùng biên giới của nó cũng như ở nước ngoài. Đó là một luận điểm, như Vương Sùng Võ gợi ra, mà bất cứ chế độ nào nhắm đến củng cố và/hoặc giành lấy vị trí như là một siêu cường của Trung Hoa đều phải áp dụng.¹⁴⁴ Người đọc MTL cần phải quan niệm như thế và phải ý thức rằng luận điểm Trung Hoa (và cũng là khuôn khổ của cách chép sử của MTL) phản ánh “rằng cái mà nhà Minh muốn nó phải là” hơn là cái nhà Minh đã là.¹⁴⁵ Hy vọng rằng bài tổng quan ngắn này sẽ giúp người sử dụng MTL đọc được bên kia những luận điểm trong các trích dẫn được dịch trong bộ sử liệu này.

G. Wade - T C K - P H Q

CHÚ THÍCH

91. *Thái Tông thực lục*, quyển 34, 3a.
92. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 3, 12b-13a.
93. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 80, 1b.
94. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 4, 2b.
95. *Qiu-shi*, 1990, số 23.
96. *Hiến Tông thực lục*, quyển 212, 6a-b.
97. *Anh Tông thực lục*, quyển 177, 6b-7a.
98. James L. Watson, *Sự tái thương lượng về bản sắc văn hóa Trung Hoa trong thời đại sau Mao*. Tạp chí không thường xuyên số 4 của Trung tâm Nghiên cứu khoa học xã hội (Hong Kong: Đại học Hong Kong, 1991), pp. 12-5.
99. James L. Watson, sdd.
100. *Thái Tông thực lục*, quyển 34, 3a.
101. *Thái Tông thực lục*, quyển 35, 2b.
102. *Thái Tông thực lục*, quyển 130, 1b-2a.
103. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 7, 10a.
104. *Thế Tông thực lục*, quyển 199, 6b-7b.
105. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 64, 4a-5b.
106. *Hiến Tông thực lục*, quyển 273, 2a.
107. Wang Gungwu, “Luận điểm của một đế quốc suy yếu: những quan hệ thời Tống với lân bang”, trong *Trung Hoa giữa các kẻ ngang hàng*, biên tập Morris Rossabi, Berkeley, 1982, p. 49.

108. *Thái Tổ thực lục*, quyển 68, 4a-b.
109. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 9, 12a.
110. *Anh Tông thực lục*, quyển 34, 1a-2b.
111. *Hiến Tông thực lục*, quyển 46, 4b.
112. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 59, 8b.
113. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 159, 5b-6b.
114. *Anh Tông thực lục*, quyển 337, 4b.
115. *Thái Tông thực lục*, quyển 117, 4a-b.
116. *Hiến Tông thực lục*, quyển 3, 5b-6a.
117. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 105, 6b-8a.
118. *Thần Tông thực lục*, quyển 301, 7a-8b.
119. *Anh Tông thực lục*, quyển 205, 12b-13a.
120. *Võ Tông thực lục*, quyển 4, 11a-b.
121. *Thế Tông thực lục*, quyển 5, 14b.
122. *Thần Tông thực lục*, quyển 498, 2a-4a.
123. *Thần Tông thực lục*, quyển 499, 3b.
124. *Minh Thái Tổ thực lục*, quyển 39, 1b. Trích dẫn khác cho biết Vân Nam là một nước có thể tìm thấy trong *Thái Tổ thực lục*, quyển 53, 9a-b.
125. *Thái Tông thực lục*, quyển 58, 1a.
126. *Thái Tông thực lục*, quyển 185, 2a-b.
127. *Hiến Tông thực lục*, quyển 219, 6a-7b.
128. *Thế Tông thực lục*, quyển 248, 1b-5a.
129. *Hiến Tông thực lục*, quyển 206, 1b-2a.
130. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 172, 3a-b.
131. *Thái Tông thực lục*, quyển 117, 3a.
132. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 175, 5b-6a.
133. *Anh Tông thực lục*, quyển 116, 11a-b.
134. *Anh Tông thực lục*, quyển 174, 8a-b.
135. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 200, 5b-6a.
136. *Anh Tông thực lục*, quyển 81, 5b-6a.
137. *Anh Tông thực lục*, quyển 104, 3b.
138. *Hiến Tông thực lục*, quyển 284, 3b.
139. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 2, 14a.
140. *Thế Tông thực lục*, quyển 268, 3a-b.
141. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 105, 6b-8a.
142. *Thái Tông thực lục*, quyển 217, 1a-b.
143. *Thế Tông thực lục*, quyển 205, 2a-3a.
144. Wang Gungwu, sđd.
145. Một cái nhìn tổng quan khác về khái niệm truyền thống trong thuật chép sử được Geoff Wade đưa ra trong “Một số khái niệm truyền thống (topoi) trong thuật chép sử vùng biên giới phía nam thời nhà Minh (Về sự xác đáng của các khái niệm này trong thời hiện đại)” trong Sabine Dabringhaus và Roderick Ptak (biên tập), *Trung Hoa và biên giới láng giềng, những cách nhìn của nước khác, chính sách đối ngoại từ thế kỷ thứ 10 đến 19*, Wiesbaden, Harrassowitz Verlag, 1997 pp. 135-159.

CHÚ THÍCH BỔ SUNG

- (25) G. Wade đã nhầm lẫn trong việc khảo sát văn bản, thật ra đây là một tờ tấu của một người dân tên Đặng Cung ở huyện Đông Hoãn, Quảng Đông, vào ngày 17/4 năm Chính Thống

- thứ 14 (8/5/1449) gồm 7 điều, điều 1 nói: “Châu Khâm giáp biên giới Giao Chỉ, người dân [2 bên] ăn mặc và tiếng nói tương tự, khó phân biệt. Xin sai quan đến nơi này thay đổi về y phục, lập trường học tại các làng, dạy ngôn ngữ theo tiếng Trung Hoa [đối với dân châu Khâm]. Như vậy đối được phong tục, làm khác y phục, phát âm, để dễ phân biệt [người Hoa và người An Nam]. Wade nhầm 2 chi tiết, một là: tờ tấu này không nằm chung trong bản tưởng niệm công trạng của một viên quan. Hai là: ý của Đặng Cung sợ người châu Khâm bị đồng hóa bởi người An Nam nên đề nghị biện pháp ngăn chặn [khác với tiến trình khai hóa dân tộc khác].
- (26) G. Wade nhầm lẫn trong việc gắn quan điểm vào cách gọi tên “Giao Chỉ”, thật ra các biên chép văn bản *Minh thực lục* thiếu nhất quán, khi chép là An Nam, khi chép là Giao Chỉ, thậm chí trong cùng một văn bản lại chép cả hai cách gọi, như trong một văn bản có ngày tháng rất gần với văn bản mà Wade đã khảo sát, đề ngày 10 tháng 3 năm Thành Hóa 23 (3/4/1487) [*Hiển Tông thực lục*, quyển 288, trang 3a]. Mặt khác cũng cần lưu ý là các văn bản *Minh thực lục* khi viết về **dân Việt** thì phần lớn các sử quan sử dụng từ “Giao dân” (dân Giao), còn khi viết về **chính thể** thì sử dụng từ “An Nam” hoặc “Giao Chỉ”.
- (27) G. Wade bình luận sai lệch ý nghĩa của sự kiện này, theo chú thích của Wade (139) thì nhầm vào văn bản *Hiếu Tông thực lục* (quyển 2, tờ 14a) thuộc ngày 14 tháng 9 năm Thành Hóa 23 [30/9/1487] đoạn văn này viết: “Quốc vương An Nam Lê Hào [Thánh Tông] sai bọn bồi thần Lê Năng Nhượng theo lệ hàng năm dâng biểu, cống phương vật và ngựa. Bộ Lễ trình lên, mệnh không cần tấu. [sai Bộ Lễ] dãi yến, không cử nhạc...”. Việc miễn triều yết và dãi yến không cử nhạc là do Hiến Tông [Thành Hóa] mới vừa mất chưa đầy 1 tháng, Hiếu Tông (Hoàng Trị) đang trong thời gian cư tang [Hiển Tông mất 22 tháng 8, sứ đoàn An Nam đến 14 tháng 9].
- (28) Văn bản ngày 6 tháng 10 năm Gia Tĩnh thứ 16 [8/11/1537] chép về lời tâu của Tuần án Quảng Đông Ngự sử Dư Quang, nội dung dẫn chứng tích cũ, bản không nên đánh Mạc Đăng Dung. Gia Tĩnh giao cho Bộ Binh tham khảo, Bộ Binh tâu: “Trình bày không hợp thời, so sánh không hợp lý, hành động khinh suất, đề nghị phạt”. Dư Quang bị cắt lương 1 năm.

TÓM TẮT

Bài viết là một nghiên cứu tổng quan của tác giả Geoff Wade về nguồn sử liệu Đông Nam Á trong bộ *Minh thực lục*. Sau khi điểm qua nội dung, các ấn bản, sưu tập các sách trích dẫn *Minh thực lục*, các đặc trưng của *Minh thực lục* như là một nguồn sử liệu, tác giả đã phân tích về thế giới quan Trung Hoa thể hiện qua bộ *Minh thực lục*. Mặc dù thừa nhận *Minh thực lục* giữ một vai trò quan trọng trong việc tái hiện lịch sử xã hội, chính trị nhà Minh và mang lại những bổ khuyết hữu ích cho việc nghiên cứu lịch sử vùng Đông Nam Á, tác giả đã lưu ý người đọc cần ý thức rằng, luận điểm Trung Hoa (và cũng là khuôn khổ của cách chép sử trong *Minh thực lục*) phản ánh “cái mà nhà Minh muốn nó phải là” hơn là cái mà nhà Minh đã là.

ABSTRACT

THE MING SHI-LU AS A SOURCE OF DATA FOR SOUTHEAST ASIAN HISTORY

This article is Geoff Wade's general study on the source of historical data regarding Southeast Asia found in the book *Ming Shi-lu*. After giving a sketchy description of the contents of the book, its editions, the number of books quoting the *Ming Shi-lu* and using its typical characteristics as a source of historical documents, the author gives an analysis on the Chinese world outlook as represented through the *Ming Shi-lu*. Though he admits that *Ming Shi-lu* plays an important part in an effort to recreate the history, society and politics of the Ming dynasty and it provides helpful data supplement to a study on the history of the Southeast Asia, the author advises readers to be aware of the fact that the Chinese point of view (also the writing method of *Ming Shi-lu*) reflects “what the Ming dynasty wanted it to be” rather than what it actually was.